

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/HS-ST

Ngày: 11-7-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Nghị.
Bà Phan Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Bùi Kim Châu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: **Nguyễn Nam Trường T** (Giới tính: Nam), sinh ngày 27/6/1988, tại: Tây Sơn, Bình Định. Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn G1, xã G, huyện TS, tỉnh Bình Định. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nông; Trình độ học vấn: 12/12. Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1968, trú tại: Thôn G1, xã G, huyện TS, tỉnh Bình Định. Gia đình có 03 T em, bị cáo là con thứ 01 trong gia đình. Vợ tên Trần Thị Trúc M, sinh năm 1992 con: chưa có. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/01/2024 đến ngày 17/04/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ tên: **Trần Thế A** (Giới tính: Nam), sinh ngày 14/05/1993; tại: huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Nơi thường trú: thôn B, xã D, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Thợ phun xăm. Trình độ học vấn: 10/12. Con ông Trần Hồ T1 (đã chết) và bà Phan Thị Q, sinh năm 1959. Gia đình có 03 T, em bị cáo là con thứ 03 trong gia đình. Vợ tên Vũ Thị M, sinh năm 1990. Con: có 01 người, sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/01/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ tên: **Văn Phan Thành C** (Giới tính: Nam), sinh ngày 17/05/2005; tại: huyện P, tỉnh Bình Định. Nơi thường trú: thôn L, xã H, huyện P, tỉnh Bình Định. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: làm thuê. Trình độ học vấn: 09/12. Con ông Văn Đình H1, sinh năm 1970 và bà Phan Thị Mỹ T2, sinh năm 1974. Gia đình có 02 anh em, em bị cáo là con lớn trong gia đình. Vợ con: chưa có. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/01/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại*: Nguyễn Trọng T3, sinh năm 1995 (có mặt).
Trú tại: Thôn G1, xã G, huyện TS, tỉnh Bình Định.

- *Người làm chứng*:

+ Nguyễn Thị C, sinh năm 1955 (vắng mặt);

+ Nguyễn Văn T4, sinh năm 1936 (vắng mặt);

Đồng trú: Thôn G1, xã G, huyện TS, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Nam Trường T và Nguyễn Trọng T3 có mối quan hệ quen biết nhau. Khoảng tháng 5/2023, T3 có vay T số tiền 70.000.000 đồng để làm ăn buôn bán và đưa giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 77H1-308.00, 01 chiếc nhẫn vàng tây 18K trọng lượng 1,7 chỉ để T giữ làm tin, hẹn trong vòng 10 ngày sẽ trả đủ tiền gốc và lãi cho T. Do làm ăn thua lỗ nên T3 không có tiền trả nợ cho T. Đến tháng 6/2023, T3 mới chỉ trả được 2.500.000 đồng, sau đó không có trả khoản nào khác, T đã nhiều lần đòi nợ nhưng T3 không có tiền trả.

Khoảng 11 giờ 30' ngày 01/01/2024, Trần Thế A (hiện đang sinh sống tại số 165 Nguyễn Khuyến, phường Đống Đa, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định - là người yêu của em ruột T) cùng Văn Phan Thành C đi đến nhà T chơi. Trong quá trình đi uống cà phê, T kể với Thế A về việc T3 mượn tiền, T đã đòi nhiều lần nhưng không trả. T rủ Thế A cùng lên nhà T3 để giúp T đòi tiền, Thế A đồng ý và rủ C đi cùng. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô 77F3-9312 đi trước dẫn đường, Thế A điều khiển xe ô tô chở C theo sau. Khi đến nhà T3, T gõ vào cửa sắt trước nhà gọi T3 nhưng không có ai trả lời. Thấy cửa sắt khép nên T đẩy cửa ra, rồi đi vào trong nhà. Lúc này chỉ có một mình T3 ở nhà và đang nằm ngủ tại phòng khách. T đi vào kêu T3 dậy rồi ngồi trên ghế gỗ dài ở phòng khách, Thế A đi vào ngồi ở giữa, C ngồi bên trái Thế A gần cửa sắt. Thế A lấy 01 ghế gỗ đơn để ngay trước mặt và nói T3 lại ngồi lên ghế đối diện để nói chuyện, giải quyết việc nợ nần giữa T3 với T. T nói T3 trả tiền cho mình nhưng T3 im lặng, không trả lời. Thấy vậy,

Thế A đứng dậy đối diện T3 và bắt đầu hỏi to tiếng về việc trả tiền nhưng T3 vẫn im lặng nên Thế A dùng tay trái nắm cổ áo, tay phải tát liên tiếp khoảng 03 cái vào vùng gò má trái của T3 thì T3 mới lên tiếng nói để từ từ sẽ kiếm tiền trả dần. Nghe T nói lúc trước T3 có nói chuyện hỗn láo với T nên Thế A dùng tay phải tát mạnh liên tiếp 02 cái vào má trái của T3. Quá trình nói chuyện, biết T3 hiện không có tiền để trả ngay nên Thế A nói T3 đi lấy giấy viết để viết giấy mượn tiền, vì sợ bị đánh nên T3 buộc phải viết giấy mượn tiền theo hướng dẫn của Thế A với nội dung mượn của Thế A số tiền 80.000.000 đồng (gồm số tiền nợ của T3 và Nguyễn Thị T5 (mợ của T3) mượn của T), trong vòng 1 tuần sẽ trả số tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Sau khi viết xong, Thế A lấy giấy nợ đưa T giữ, nhưng sau đó nghĩ lại thấy tên chủ nợ là mình, sợ liên quan nên Thế A bảo T bỏ tờ giấy nợ này. Thế A hỏi T khi T3 mượn tiền có thể chấp tài sản gì không thì T nói mình đang giữ giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 77H1-308.00 của T3, bảo Thế A lấy xe mô tô 77H1-308.00 của T3. Nghe vậy, Thế A bảo T3 đưa chìa khóa xe, T3 sợ bị lấy xe của mình nên vẫn im lặng, ngồi yên tại chỗ thì Thế A dùng tay phải tát 01 cái vào má trái của T3. Lúc này C cũng đứng dậy định đánh T3 thì Thế A bảo C ngồi xuống. Sợ bị đánh nên T3 đứng dậy đi đến tủ gỗ ở phòng khách lấy chìa khóa xe mô tô 77H1 - 308.00 rồi đi ra trước nhà, Thế A bảo C đi theo T3 để lấy xe mô tô. T3 đi đến vị trí dựng xe mô tô mở cốp xe lấy ví ra rồi đưa chìa khóa xe cho C rồi quay lại vào nhà. Thế A nói với T3 khi nào trả 30.000.000 đồng thì sẽ trả lại xe. T3 im lặng không nói gì. Thế A đe dọa T3 “Mày đừng để tao quay lại lần hai, chứ tao quay lại mày xác định xT cò với tao”, “mày sống ở đây đừng có hòng nói chuyện trơn với tao”. Sau đó, Thế A bảo T và C ra về, C điều khiển xe mô tô 77H1-308.00 của T3 đi về nhà T, giao lại cho T cất giữ rồi cùng Thế A về lại Quy Nhơn. Đến 08 giờ ngày 03/01/2024, T hẹn T3 đến nhà lấy xe về nhưng khi T3 đến không có đem tiền đến trả nên T không trả xe cho T3. Sau đó T3 đã làm đơn trình báo lên Công an.

Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tây Sơn kết luận: mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vision, màu đen, biển số 77H1-308.00, tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 15.000.000 đồng.

Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ:

- 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Vision, màu đen, biển số 77H1-308.00; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Nguyễn Trọng T3, biển số 77H1-308.00. Đã xử lý trả lại cho bị hại Nguyễn Trọng T3.

- 01 xe máy nhãn hiệu Honda, loại xe CUP, màu xanh, biển số 77F3-9312; 01 giấy chứng nhận đăng xe mang tên Nguyễn Thành T6 -1970 ở BN, TS, Bình Định. Quá trình điều tra xác minh xe mô tô biển số 77F3-9312 là tài sản của Nguyễn Nam Trường T sử dụng để làm phương tiện đi lại, không sử dụng vào mục đích phạm tội nên đã xử lý trả lại cho T.

Về dân sự: Sau khi nhận lại các tài sản, bị hại Nguyễn Trọng T3 không yêu cầu bồi thường về phần tài sản. Các bị cáo đã bồi thường thiệt hại tổn thất về tinh thần cho bị hại với số tiền 6.000.000 đồng.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận như đã khai tại cơ quan điều tra, thừa nhận có hành vi phạm tội như Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố là hoàn toàn đúng.

Tại bản Cáo trạng số 28/CT-VKSTS ngày 06/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn đã truy tố các bị cáo Nguyễn Nam Trường T, Trần Thế A, Văn Phan Thành C về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Nam Trường T, Trần Thế A, Văn Phan Thành C phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Về hình phạt: đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 170; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Nam Trường T mức án từ 12 đến 15 tháng tù; Áp dụng thêm Điều 54 BLHS: Xử phạt bị cáo Trần Thế A mức án từ 09 đến 12 tháng tù; Xử phạt bị cáo Văn Phan Thành C mức án từ 08 đến 10 tháng tù.

- Về dân sự: bên bị hại không yêu cầu gì thêm nên đề nghị miễn xét

Lời nói sau cùng của các bị cáo: các bị cáo rất ân hận về hành vi của mình, nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trT tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tây Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Theo lời khai của bị cáo, lời khai những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Ngày 01/01/2024, Trần Thế A và Văn Phan Thành C đi đến nhà Nguyễn Nam Trường T chơi thì được T rủ đi đến nhà Nguyễn Trọng T3 để đòi nợ, Thế A và C đồng ý. Khi đến nhà T3, T, Thế A, C mở cửa đi vào trong ngôi ở phòng khách, lúc này chỉ có một mình T3 ở nhà. Thế A yêu cầu T3 đến ngồi đối diện mình để giải quyết việc nợ nần giữa T3 và T. Trong quá trình đòi nợ, Thế A đã dùng lời nói và vũ lực (dùng tay đánh nhiều cái vào mặt T3) uy hiếp làm T3 sợ hãi, không dám phản kháng. Khi biết T3 không có tiền trả nợ, T bảo Thế A lấy xe Honda Vision biển số 77H1-308.00 để đảm bảo cho việc T3 trả nợ. Thế A đã đe dọa dùng vũ lực, uy hiếp ép buộc T3 phải miễn cưỡng giao chìa khóa xe mô tô. Sau đó, C điều khiển xe mô tô

77H1-308.00 đem về nhà giao lại cho T. Xe mô tô Honda Vision biển số 77H1-308.00 bị chiếm đoạt có giá trị 15.000.000 đồng.

[3] Tại phiên tòa, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Nguyễn Nam Trường T, Trần Thế A, Văn Phan Thành C có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, bất chấp quy định của pháp luật: trong quá trình đòi nợ Nguyễn Trọng T3, đã dùng lời nói và vũ lực (dùng tay đánh nhiều cái vào mặt T3) đe dọa làm T3 sợ hãi, không dám phản kháng (nhưng chưa làm tê liệt hoàn toàn ý thức của T3); uy hiếp ép buộc T3 phải miễn cưỡng giao chìa khóa xe mô tô (trái ý muốn của T3), sau đó điều khiển xe mô tô của T3 về nhà T để.

Đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của các bị cáo Nguyễn Nam Trường T, Trần Thế A, Văn Phan Thành C đã phạm vào tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn truy tố các bị cáo là có căn cứ.

[4] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự và an toàn xã hội ở địa phương. Do đó, cần phải xử lý nghiêm minh các bị cáo tương xứng hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra.

[5] Xét vai trò từng bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án với đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo Nguyễn Nam Trường T là người khởi xướng, rủ rê hai bị cáo Trần Thế A, Văn Phan Thành C cùng thực hiện hành vi phạm tội. Trần Thế A là người thực hành tích cực (buộc T3 ngồi đối diện mình, dùng lời nói đe dọa, dùng tay tát nhiều cái vào mặt T3, uy hiếp buộc T3 phải giao chìa khóa xe) còn Văn Phan Thành C là người giúp sức (nhận chìa khóa xe của T3 rồi điều khiển xe về để tại nhà T). Do vậy, hình phạt của bị cáo T là cao nhất, hình phạt bị cáo Thế A thấp hơn T nhưng phải cao hơn bị cáo C. Trong vụ án này, bên bị hại cũng có lỗi một phần khi vay số tiền lớn không trả đúng hạn gây ức chế cho bị cáo T.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; đã bồi thường xong cho bên bị hại (tồn thất về tinh thần); nghị nên áp dụng tình tiết quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Bên phía bị hại bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, bị cáo Thế A có ông nội là liệt sĩ, bà nội là mẹ Việt Nam anh hùng; nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Xét bị cáo Thế A, Thành C phạm tội lần đầu và có nhân thân tốt, có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 BLHS, nghị nên áp dụng Điều 54 BLHS khi lượng hình.

Tuy nhiên xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, nghị cần phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian như mức đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát mới đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa.

[8] Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản. Các bị cáo đã bồi thường tổng số tiền 6.000.000đ (tồn thất tinh thần), bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm - nên miễn xét

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106, các Điều 135, 136, 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Nam Trường T, Trần Thế A, Văn Phan Thành C phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Nam Trường T 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị bắt T hành án, được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 11/01/2024 đến ngày 17/04/2024.)

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Trần Thế A 11 (Mười một) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị bắt, tạm giữ, tạm giam (ngày 11/01/2024).

Xử phạt bị cáo Văn Phan Thành C 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị bắt, tạm giữ, tạm giam (ngày 11/01/2024).

3. Về dân sự: Miễn xét

4. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Nguyễn Nam Trường T, Trần Thế A, Văn Phan Thành C mỗi bị cáo phải nộp số tiền 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) - án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo:

Các bị cáo và người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6. Quyền và nghĩa vụ thi hành án:

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Tây Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Tây Sơn;
- Chi cục THADS huyện Tây Sơn;
- Bộ phận HSNVCS Công an huyện Tây Sơn;
- Bị cáo; bị hại;
- Dương sự vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Giang Nam